

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16-11-2021

V/v “Tranh chấp ly hôn và nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thanh Hải.

Bà Đặng Thị Tiềm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 16 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 145/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021, thông báo về việc hoãn phiên tòa số: 03/TB-TA ngày 14 tháng 6 năm 2021, thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 07/TB-TA ngày 18/10/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1988 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Mai Chí H, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Kinh M, xã M, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị với anh Mai Chí H tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2008. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với cha mẹ chị tại ấp B, xã B, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H không quan tâm đến vợ con mà còn có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, về nhà kiếm chuyện gây sự với chị rất nhiều lần rồi bỏ mẹ con chị để sống chung với người phụ nữ khác làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vì không muốn hạnh phúc gia đình đổ vỡ sẽ ảnh hưởng không tốt đến cuộc sống của con nên trong thời gian qua, chị có khuyên anh H trở về chung sống với chị và các

con nhưng anh H vẫn tiếp tục quan hệ bất chính làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt và vợ chồng đã sống ly thân nhau hơn một năm nay.

Do mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho tôi xin ly hôn với anh H.
- Về con chung: Có 02 con chung tên Mai Tuấn K, sinh ngày 19/12/2008 và Mai Nguyễn Như N, sinh ngày 13/6/2016, hiện đang sống với chị. Ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/1 tháng/1 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi, lao động được.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Mai Chí H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh Mai Chí H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Nguyễn Thị Ly và anh Mai Chí H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã M, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 78 quyền số 1 vào ngày 16/7/2008, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh H đã thật sự đổ vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, theo chị L trình bày thì vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H không quan tâm đến vợ con mà còn có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, về nhà kiếm chuyện gây sự với chị rất nhiều lần rồi bỏ mẹ con chị để sống chung với người phụ nữ khác làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vì không muốn hạnh phúc gia đình đổ vỡ sẽ ảnh hưởng không tốt đến cuộc sống của con nên trong thời gian qua chị có khuyên anh H trở về chung sống với chị và các con nhưng anh H vẫn tiếp tục quan hệ bất chính làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt và vợ chồng đã sống ly thân nhau hơn một năm nay. Riêng đối với anh Mai Chí H, từ khi được Tòa án thông báo về việc chị L yêu cầu ly hôn, anh vẫn bỏ mặc không có ý kiến gì, chứng tỏ anh không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng với chị L nữa. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị L với anh H thật sự không còn, mục

đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L trình bày quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Mai Tuấn K, sinh ngày 19/12/2008 và Mai Nguyễn Như N, sinh ngày 13/6/2016. Xét, từ khi chị L và anh H sống ly thân thì các con chung đều do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, có cuộc sống ổn định, sức khỏe tốt. Đối với cháu Kiệt tại bản tự khai cháu có nguyện vọng sống chung với chị L khi cha và mẹ ly hôn. Do vậy, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất, sự phát triển về tinh thần, cũng như các quyền lợi khác của con chung nên tiếp tục giao cháu Kiệt và Ngọc cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị L yêu cầu anh Mai Chí H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/1 cháu, bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi, lao động được. Xét thấy, anh Mai Chí H không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ vào điều kiện cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu để cháu Mai Tuấn K và Mai Nguyễn Như N được phát triển bình thường cần buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/1 cháu. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi, lao động được.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị L trình bày không yêu cầu giải quyết và không có, còn anh Mai Chí H vắng mặt nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và anh Mai Chí H phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L. Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Mai Chí H.

2. Về con: Giao hai con chung tên Mai Tuấn K, sinh ngày 19/12/2008 và Mai Nguyễn Như N, sinh ngày 13/6/2016 cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng. Buộc anh Mai Chí H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Mai Tuấn K và Mai Nguyễn Như N mỗi tháng 1.000.000 đồng/1 cháu, thời gian thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động được.

Anh Mai Chí H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006973 ngày 15/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

Anh Mai Chí H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSNDTX Cai Lậy;
- CCTHADSTX Cai Lậy;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSNDTX Cai Lậy;
- CCTHADSTX Cai Lậy;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 16 tháng 11 năm 2021.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thanh Hải.

Bà Đặng Thị Tiềm.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 145/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 về: “ Tranh chấp ly hôn và nuôi con” giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1988 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Anh Mai Chí H, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Kinh M, xã M, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật⁽⁸⁾.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L. Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Mai Chí H.

2. Về con: Giao hai con chung tên Mai Tuấn K, sinh ngày 19/12/2008 và Mai Nguyễn Như N, sinh ngày 13/6/2016 cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng. Buộc anh Mai Chí H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Mai Tuấn K và Mai Nguyễn Như N mỗi tháng 1.000.000 đồng/1 cháu, thời gian thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động được.

Anh Mai Chí H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006973 ngày 15/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

Anh Mai Chí H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 16 tháng 11 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử

cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

‘

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Long Khánh, thị xã Cai Lậy, TG
- Các đương sự;
- Lưu.

Dương Thị Hằng Ni

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)